Grammar 4.7

Viết lại câu và thêm các từ

(✓✓) *always: luôn luôn,*

(✓) *sometimes: đôi khi*

(✖) *never: không bao giờ*

Các từ này đứng ngay trước động từ

Ví dụ: ✓✓ We go to the playground.

→ …We **always** go to the playground.....

1. ✓ I go to the library.

   →.....to the library.

2. ✖ She goes to the shopping mall.

   →.....to the shopping mall.

3. ✓✓ Thu rides her bike on Sundays.

   →..... her bike on Sundays.

4. ✖ Minh watches TV.

   →.....TV.

5. ✓ My parents take photos.

   →.....photos.

6. ✓ Mom listens to music.

   →..... to music.

LIVEWORKSHEETS

Viết *on [ngày], in [tháng, năm], at [giờ]*.

7. My birthday is ..... May.
8. He playes basketball ..... Fridays.
9. We get up..... eight o'clock.
10. Mai's birthday is.....March.
11. I always have lunch .....one o'clock.
12. Dad never works .....Saturdays.
13. We sometimes go to the beach .....July.
14. You never watch TV ..... Mondays.
15. The children always go to bed ..... nine o'clock.
16. I sometimes watch TV ..... the evening.

Viết lại động từ trong (). Nếu chủ ngữ là He, She, It (hoặc tương đương) thì động từ phải thêm 's' hoặc 'es'.

Ví dụ: She always …*get**s** up*… (get up) at eight o'clock.

17. She never..... (go) to school on Sundays.
18. They sometimes .....(visit) their cousins in July.
19. I sometimes.....(go) to bed at nine thirty.
20. He always..... (play) soccer on Saturdays.
21. Mary never .....(wear) a coat in August.
22. Bao always.....(play) volleyball.
23. Mai and Nhan sometimes.....(play) soccer.

LIVEWORKSHEETS